

Số: 196/BC-STP

Quảng Trị, ngày 15 tháng 7 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá tình hình thực thi Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (từ 07/8/2018 đến 30/4/2020)**

#### **I. Kết quả thực hiện Luật**

##### **1.1. Về công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện**

Sau khi Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 được ban hành, để triển khai thực hiện Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 15/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin, Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 14/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin và hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp Quảng Trị đã tham mưu UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch số 3407/KH-UBND ngày 07/8/2018 triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Trên cơ sở Kế hoạch số 3407/KH-UBND ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh, Sở Tư pháp đã ban hành Công văn số 887/STP-PBGDPL ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc triển khai thi hành Kế hoạch số 3407/KH-UBND của UBND tỉnh. Theo đó Sở Tư pháp đã đề nghị các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (*sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị*) quan tâm triển khai thực hiện các nội dung công việc theo đúng thời gian, tiến độ tại Kế hoạch số 3407/KH-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2018 về việc triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin. Kết quả: Cho đến ngày 30/4/2020, tất cả các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và 10/10 huyện, thị xã, thành phố đã ban hành Kế hoạch và triển khai thực hiện Luật Tiếp cận thông tin.

##### **1.2. Kết quả tập huấn, tuyên truyền Luật**

###### **a. Cấp tỉnh:**

- *Sở Tư pháp:*

Để thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp Quảng Trị đã ban hành Kế hoạch số 816/KH-STP ngày 10/9/2018 tổ chức Hội nghị quán triệt, phổ biến Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với thành phần tham dự bao gồm Đại diện các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh và cấp huyện, bao gồm: Thường trực HĐND tỉnh; UBND tỉnh; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các đoàn thể - xã hội cấp tỉnh; Văn phòng

Đoàn Đại biểu Quốc hội, Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đại diện các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Hội luật gia tỉnh, Đoàn luật sư tỉnh, báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh; Lãnh đạo Văn phòng UBND các huyện, thành phố, thị xã; Phòng Tư pháp các huyện, thành phố, thị xã.

Năm 2019: Sở Tư pháp đã tổ chức Hội nghị tập huấn về Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định một số biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin cho đội ngũ cán bộ đầu mối cung cấp thông tin cho 141 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Phát hành 1227 Sổ tay hỏi đáp pháp luật, trong đó có nội dung về Luật Tiếp cận thông tin cho báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật.

Ngoài ra, Sở Tư pháp còn thực hiện tuyên truyền Luật Tiếp cận thông tin tại các Hội nghị tuyên truyền pháp luật theo các Chương trình, Đề án do Sở Tư pháp chủ trì thực hiện, lồng ghép vào các cuộc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở.

Sở Tư pháp cũng đã mở chuyên trang Tiếp cận thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở để đăng tải các thông tin, hoạt động về tuyên truyền, phổ biến Luật TCTT, cập nhật các văn bản QPPL về tiếp cận thông tin, Quy chế nội cung cấp thông tin của Sở Tư pháp và các Sở, ban, ngành.

*- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh:*

Để triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật TCTT của UBND tỉnh, các Sở, ban ngành cấp tỉnh đã tổ chức tập huấn Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP đến tập thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể như: Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức Hội nghị tập huấn Luật Tiếp cận thông tin cho lãnh đạo các phòng thuộc Sở; hiệu trưởng, bí thư đoàn trường, tuyên truyền viên pháp luật của các trường THPT; đại diện lãnh đạo và chuyên viên phụ trách công tác tuyên truyền pháp luật của các phòng GD&ĐT; thủ trưởng các trung tâm GDNN-GDTX huyện, thị xã, thành phố và Giám đốc Trung tâm GDTX-TH, NN tỉnh, Hiệu trưởng Trường Trẻ em khuyết tật tỉnh. Các Sở, ban ngành khác cũng đã lồng ghép tập huấn, tuyên truyền trong các hội nghị phổ biến, quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết, ... của Đảng, Nhà nước, thông qua các cuộc họp giao ban cơ quan, sơ kết, tổng kết nhiệm vụ chuyên môn, thông qua Ngày pháp luật Việt Nam hàng năm. Ngoài ra, công tác tuyên truyền Luật Tiếp cận thông tin còn được các Sở, ban, ngành triển khai, tuyên truyền thông qua các phương tiện như Trang Thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành.

## **b. Cấp huyện**

Tất cả 10/10 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đã tổ chức Hội nghị triển khai, quán triệt về Luật Tiếp cận thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý. Hội đồng PHPBGDPL các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức hàng trăm đợt tập huấn, tuyên truyền, phổ biến về Luật Tiếp cận thông tin cho nhân dân dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng nhằm giúp nhân dân hiểu, nắm bắt được được các quy định của Luật Tiếp cận thông tin để từ đó thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Luật. Một số đơn vị như UBND thành phố Đông Hà, mà cụ thể là Phòng Tư pháp đã thực hiện tuyên truyền rộng rãi Luật Tiếp cận thông tin qua Trang Thông tin điện tử và Facebook của thành phố.

## **3. Kết quả thực hiện Luật**

### **a. Về ban hành, công bố công khai Quy chế nội bộ về cung cấp thông tin:**

#### **\*Cấp tỉnh:**

Để đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc xây dựng, ban hành Quy chế nội bộ về cung cấp thông tin, Sở Tư pháp đã ban hành Văn bản đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc xây dựng, ban hành Quy chế nội bộ về cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị mình. Cho đến tháng 30/4/2020, theo báo cáo có **12/19 (63%)** cơ quan, đơn vị cấp tỉnh gồm các Sở: *Tư pháp; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động, Thương binh và Xã hội; Giáo dục và Đào tạo; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công thương, Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Dân tộc* đã ban hành Quy chế nội bộ về cung cấp thông tin với đầy đủ các nội dung như yêu cầu của điểm h Khoản 1 điều 34 Luật Tiếp cận thông tin và Khoản 1 Điều 12 Nghị định 13/2018/NĐ-CP, cụ thể tập trung vào những nội dung sau:

- *Xác định phạm vi điều chỉnh và nguyên tắc thực hiện cung cấp thông tin*
- *Phân công trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện cung cấp thông tin: Trách nhiệm của lãnh đạo Sở, của bộ phận đầu mối cung cấp thông tin (công khai tên cán bộ, số điện thoại, email trên Trang Thông tin điện tử), của các bộ phận chủ trì tạo ra thông tin, của Trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành...*
- *Rà soát, kiểm tra, phân loại, lập, cập nhật danh mục thông tin: Quy định về về lập Danh mục thông tin phải được công khai, danh mục thông tin được cung cấp có điều kiện. Việc chuyển giao thông tin giữa đơn vị tạo ra thông tin và đơn vị đầu mối được quy định chặt chẽ, rõ ràng về mặt trách nhiệm quy trình, thời gian.*

- *Quy trình cung cấp thông tin cho công dân*
- *Các biểu mẫu kèm theo Quy chế để thực hiện.*

#### **\* Cấp huyện:**

Căn cứ quy định của Luật tiếp cận thông tin, UBND các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh đã giao cho Văn phòng HĐND&UBND, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện ban hành Quy chế nội bộ về cung cấp thông tin và trực tiếp tổ chức thực hiện cung cấp thông tin cho công dân theo quy định. UBND các huyện, thành phố, thị xã cũng đã ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc UBND cấp xã ban hành và thực hiện Quy chế nội bộ về cung cấp thông tin. Cho đến 30/4/2020, theo báo cáo có **102/110 (93%) cơ quan, đơn vị cấp huyện** và **107/125 (86%) xã, phường, thị trấn** trên địa bàn tỉnh đã ban hành Quy chế nội bộ về cung cấp thông tin với đầy đủ các nội dung như yêu cầu của điểm h Khoản 1 điều 34 Luật Tiếp cận thông tin và Khoản 1 Điều 12 Nghị định 13/2018/NĐ-CP, cụ thể tập trung vào những nội dung sau:

- *Xác định phạm vi điều chỉnh và nguyên tắc thực hiện cung cấp thông tin*
- *Phân công trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện cung cấp thông tin: Trách nhiệm của lãnh đạo Sở, của bộ phận đầu mối cung cấp thông tin (công khai tên cán bộ, số điện thoại, email trên Trang Thông tin điện tử), của các bộ phận chủ trì tạo ra thông tin, của Trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành...*
- *Rà soát, kiểm tra, phân loại, lập, cập nhật danh mục thông tin: Quy định về về lập Danh mục thông tin phải được công khai, danh mục thông tin được cung cấp có điều kiện. Việc chuyển giao thông tin giữa đơn vị tạo ra thông tin và đơn vị đầu mối được quy định chặt chẽ, rõ ràng về mặt trách nhiệm quy trình, thời gian.*
- *Quy trình cung cấp thông tin cho công dân*
- *Các biểu mẫu kèm theo Quy chế để thực hiện.*

### **b. Phân công và công khai đầu mối cung cấp thông tin:**

Tại Quy chế nội bộ về cung cấp thông tin của các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã đều phân công trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện cung cấp thông tin: Trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan, đơn vị, của bộ phận đầu mối cung cấp thông tin, của các bộ phận chủ trì tạo ra thông tin, của Trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành ... Tên cán bộ, số điện thoại, email của bộ phận đầu mối cung cấp thông tin đều được công khai trên Trang Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.

### **c. Lập chuyên mục TIẾP CẬN THÔNG TIN**

Cho đến **30/4/2020**, có 4/19 Trang thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh (*Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường*) thiết lập chuyên mục riêng về **TIẾP CẬN THÔNG TIN**. Các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh cũng như các xã, thị trấn có Trang thông tin điện tử (*Vĩnh Linh: 18/18 xã, thị trấn; Hướng Hóa: 21/21 xã, thị trấn; Triệu Phong: 18/18 xã, thị trấn*) chưa thiết lập chuyên mục riêng về TIẾP CẬN

**THÔNG TIN.** Tuy nhiên những nội dung thuộc Danh mục thông tin phải được công khai theo điều 17 Luật Tiếp cận thông tin đều được các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh UBND các huyện, thị xã, thành phố đăng tải công khai qua các mục khác của Trang như “*Thông tin người dân cần biết*”, “*thủ tục hành chính*”, “*văn bản quy phạm pháp luật*”, “*văn bản chỉ đạo điều hành*”...v.v. Ngoài ra, Trang thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, các huyện, thành phố, thị xã đều thiết lập các đường **LINK** với Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ, ngành, UBND tỉnh... Chính vì vậy công dân có thể dễ dàng tiếp cận với các loại thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin phải được công khai.

**d. Lập, duy trì và cập nhật danh mục thông tin phải được công khai và thông tin được tiếp cận có điều kiện**

Các cơ quan, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ, phạm vi quản lý đã tiến hành rà soát các văn bản QPPL hiện hành của địa phương liên quan đến quyền tiếp cận thông tin để kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ nhằm đảm bảo sự phù hợp với quy định của Luật tiếp cận thông tin. Danh mục thông tin phải được công khai và thông tin được tiếp cận có điều kiện đã được phân lớn các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã lập, duy trì và cập nhật để đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân. Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ quan, đơn vị thực hiện công tác này chưa thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả.

**e. Trang bị phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất cho việc cung cấp thông tin bao gồm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cho người khuyết tật:**

Các đơn vị đã bố trí nơi tiếp nhận yêu cầu, trả kết quả cung cấp thông tin cho công dân tại nơi làm việc của cán bộ đầu mối cung cấp thông tin. Tại nơi tiếp nhận yêu cầu, trả kết quả cung cấp thông tin được trang bị máy vi tính có kết nối mạng Internet, máy in, máy fax, máy photocopy, điện thoại ... Tuy nhiên, hầu hết các cơ quan, đơn vị chưa có điều kiện để đảm bảo quyền tiếp cận thông tin cho người khuyết tật (*các thiết bị nghe nhìn, các thiết bị kỹ thuật phụ trợ cho người khuyết tật, bảng chữ nổi Brail...*)

**f. Thực hiện công khai và cung cấp thông tin theo yêu cầu của người dân**

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã công khai thông tin theo đúng yêu cầu về mặt thời gian, loại thông tin theo đúng quy định của Luật Tiếp cận thông tin

**- Về cung cấp thông tin theo yêu cầu:**

Một số cơ quan, đơn vị cấp tỉnh đã tiếp nhận được yêu cầu cung cấp thông tin và đã thực hiện việc cung cấp thông tin cho công dân theo quy trình của Luật Tiếp cận thông tin, cụ thể như: Sở Tài nguyên và Môi trường 265 lượt; Sở Lao động, thương binh và xã hội: 32 lượt (ngoài ra, bình quân mỗi tháng Sở LĐTBXH còn trực tiếp

cung cấp thông tin cho hơn 150 tổ chức, cá nhân đến trực tiếp hỏi về các chế độ, chính sách liên quan). Việc cung cấp thông tin cho công dân qua điện thoại, email của các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã diễn ra thường xuyên, hàng ngày tuy nhiên do không đủ điều kiện về mặt thời gian, nhân lực để thực hiện theo đúng quy trình (ghi phiếu, vào sổ...) nên không thể thống kê cụ thể.

#### **g. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc tiếp cận thông tin**

Cho đến tháng 30/4/2020, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chưa có cơ quan, đơn vị nào tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về thực hiện Luật tiếp cận thông tin.

#### **h. Mở sổ theo dõi và xây dựng báo cáo tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin**

Các cơ quan, đơn vị đã chỉ đạo bộ phận văn thư - lưu trữ lập sổ cung cấp thông tin theo yêu cầu. Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu được lập và thực hiện theo năm.

### **3. Thuận lợi và khó khăn khi thực hiện Luật TCTT của đơn vị**

#### **3.1. Thuận lợi:**

Công tác triển khai thực thi Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh đã được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, lãnh đạo cơ quan đơn vị. Việc thực thi Luật Tiếp cận thông tin được diễn ra trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0, song song với quá trình xây dựng Chính phủ điện tử, hiện đại hóa nền hành chính nhà nước nên thuận lợi trong việc lập, cập nhật, công khai, khai thác và cung cấp thông tin cho công dân

#### **3.2. Khó khăn:**

- Về mặt thể chế:

+ Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về các lĩnh vực của ngành chưa thực sự đồng bộ, thường xuyên phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn; các lĩnh vực liên quan đến hoạt động quản lý của ngành là rất rộng, văn bản nhiều nên việc cập nhật thông tin vào hệ thống đảm bảo việc tiếp cận thông tin còn có những thiếu sót và hạn chế nhất định.

+Việc xác định thế nào là “thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ” theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Luật Tiếp cận thông tin còn gặp khó khăn do không có tiêu chí cụ thể của các loại thông tin này, việc xác định chủ

yếu dựa vào ý chí chủ quan của người cung cấp thông tin nên khi thực hiện sẽ không thống nhất về điều kiện áp dụng.

+ Việc xác định “trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan” tại Khoản 3 Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin cũng chưa có quy định cụ thể nên còn lúng túng trong áp dụng.

+ Quy định về cơ chế theo dõi, kiểm tra, giám sát, khiếu nại và tố cáo việc thực thi quyền TCTT chưa phù hợp. Luật TCTT và Nghị định 13/2018/NĐ-CP còn thiếu các quy định về phương thức, điều kiện và nội dung kiểm tra việc thi hành Luật này. Luật TCTT không quy định một cơ chế độc lập, riêng biệt để giám sát và xử lý vi phạm trong thực thi Luật.

+ Quy trình, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân của Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định 13/2018/NĐ-CP phức tạp, rườm rà, tốn kém, gây mất thời gian, chi phí của cơ quan cung cấp lẫn công dân.

- Về mặt tổ chức thực hiện

+ Hiện nay trụ sở của các cơ quan đơn vị vẫn chưa đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất cho đối tượng người khuyết tật để tiếp cận thông tin và thực hiện quyền thông tin theo quy định.

+ Hiện nay, cán bộ được giao làm đầu mối cung cấp thông tin chủ yếu kiêm nhiệm, chưa được tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về hoạt động cung cấp thông tin. Do đó, khó đáp ứng yêu cầu hoạt động cung cấp thông tin của đơn vị ngay khi luật có hiệu lực thi hành.

+ Chưa xác định rõ mô hình về cán bộ đầu mối, tiêu chuẩn, điều kiện của cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ này.

#### **4. Kế hoạch, giải pháp thúc đẩy triển khai thực hiện Luật TCTT của đơn vị trong thời gian tới**

Tiếp tục tăng cường, đẩy mạnh công tác triển khai, thực thi Luật Tiếp cận thông tin theo các nội dung được xác định theo Kế hoạch số 3407/KH-UBND ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh, cụ thể:

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền Luật Tiếp cận thông tin đến với người dân trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường tổ chức tập huấn nghiệp vụ về tiếp cận thông tin cho đội ngũ cán bộ đầu mối.

- Bổ sung phương tiện, cơ sở vật chất nhằm đáp ứng được yêu cầu về công khai, cung cấp thông tin: Nâng cấp Trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố cả về mặt giao diện, hình thức lẫn nội dung. Tiếp tục xây dựng các Trang Thông tin điện tử của xã, phường, thị trấn.

## **5. Kiến nghị và đề xuất nhằm thúc đẩy Luật TCTT**

### **a. Đề nghị Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan:**

- Nghiên cứu, đề xuất tiếp tục hoàn thiện về mặt thể chế, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 6, Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin để áp dụng thống nhất. Đơn giản hóa trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

- Tăng cường công tác tập huấn cho đội ngũ công chức quản lý nhà nước và cán bộ đầu mối cung cấp thông tin.

### **b. Đề nghị HĐND tỉnh, UBND tỉnh:**

- Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc việc thực thi Luật Tiếp cận thông tin

- Quan tâm bố trí kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin cho người dân.

### **c. Đề nghị các đơn vị Sở, ngành cấp tỉnh, huyện, xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

- Rà soát, xây dựng và ban hành Quy chế cung cấp thông tin, phân công và công khai đầu mối cung cấp thông tin.

- Xây dựng Chuyên mục TIẾP CẬN THÔNG TIN trên cổng/trang thông tin điện tử của đơn vị, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin tiếp cận có điều kiện.

- Trang bị phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất cho việc cung cấp thông tin bao gồm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cho người khuyết tật.

- Bố trí cán bộ, công chức hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người không biết chữ, người khuyết tật, người gặp khó khăn khác khi điền phiếu, ký phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

- Chủ động công khai thông tin theo như quy định tại Chương II Luật Tiếp cận thông tin.

- Mở Sổ theo dõi và xây dựng báo cáo tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 13/2018/NĐ-CP.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp đánh giá tình hình thực thi Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ ngày 07/8/2018 đến ngày 30/4/2020.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Quảng Trị;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Vụ PBGDPL- Bộ Tư pháp;
- Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI);
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, PBGDPL.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Sa Huỳnh**



**BIỂU TÔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT TIẾP CẬN  
THÔNG TIN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

(TỪ 07/8/2018-30/4/2020)

*(Kèm theo Báo cáo số.../K.../BC-STP của Sở Tư pháp ngày... tháng... năm 2020)*

Biểu I. Các Sở, ban, ngành:

Chỉ tiêu/Đơn vị báo cáo	Đáp án	Số Tư pháp	Số TT&TT	Số LPTBXH	Số Giáo dục và Đào tạo	Số VH TTDL
<b>1. Kết quả tập huấn, tuyên truyền về Luật TCTT</b>						
Số lượng buổi tập huấn về Luật TCTT đã được tổ chức	Khoá	2		0	1	0
Số lượng người/báo cáo viên được tập huấn Luật TCTT	Lượt người	289		0	164/84	0
Số buổi/lần tuyên truyền về Luật TCTT được tổ chức	Buổi	16		3	1	3
<b>2. Kết quả thực hiện Luật TCTT</b>						
Ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của mình	a. Có, có không khai b. Có nhưng không công khai c. Không có	a	a	a	a	a
Phân công và công khai đầu mối cung cấp thông tin gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan, nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin	a. Có, có không khai b. Có nhưng không công khai c. Không có	a	a	a	a	a
Lập chuyên mục TIẾP CẬN THÔNG TIN trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện	a. Có b. Không có	a	a	b	a	b

từ của cơ quan									
Lập và công khai cập nhật danh mục thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện	a. Có, có không khai b. Có, nhưng không công khai c. Không có	a	a	b	a				a
Cập nhật nhật danh mục thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện	a. Có cập nhật b. Không	a	a	a	a				a
Thực hiện công khai thông tin	a. Công khai đầy đủ theo danh mục công khai thông tin b. Chưa đầy đủ c. Chưa công khai thông tin	a	a	a	a				a
Số lượng các yêu cầu cung cấp thông tin theo yêu cầu	Số lượt	0	0	32	0				0
Thời gian giải quyết các yêu cầu cung cấp thông tin	a. Đúng theo quy định b. Chậm so với quy định			a					
Số lượng đơn khiếu nại và tố cáo trong việc TCTT	Số đơn	0	0	0	0				0
Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc TCTT	Số lượng đã giải quyết	0	0	0	0				0

**Biểu I. Các Sở, ban, ngành (tiếp theo)**

*(Kèm theo Báo cáo số 196.../BC-STP của Sở Tư pháp ngày 15 tháng 7 năm 2020)*

Chỉ tiêu/Đơn vị báo cáo	Đáp án	Số Kế hoạch và Đầu tư	Số Khoa học và Công nghệ	Số Công thương	Số Nông nghiệp và PTNT	Số Tài nguyên và Môi trường
<b>1. Kết quả tập huấn, tuyên truyền về Luật TCTT</b>						
Số lượng buổi tập huấn về Luật TCTT đã được tổ chức	Khoá	0	01		0	
Số lượng người/báo cáo viên được tập huấn Luật TCTT	Lượt người	0	79		0	
Số buổi/lần tuyên truyền về Luật TCTT được tổ chức	Buổi	05			04	
<b>2. Kết quả thực hiện Luật TCTT</b>						
Ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của mình	a. Có, có không khai b. Có nhưng không công khai c. Không có	a	a	a	a	a
Phân công và công khai đầu mối cung cấp thông tin gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin	a. Có, có không khai b. Có nhưng không công khai c. Không có	a	a	a	a	a
Lập chuyên mục TIẾP CẬN THÔNG TIN trên công thông tin điện tử, trang thông tin điện tử	a. Có b. Không có	b	b	b	b	a

của cơ quan									
Lập và công khai cập nhật danh mục thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện	a	a	a	a	a	a	a	a	a
Cập nhật nhật danh mục thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện	a	a	a	a	a	a	a	a	a
Thực hiện công khai thông tin	a	a	a	a	a	a	a	a	a
Số lượng các yêu cầu cung cấp thông tin theo yêu cầu	0	0	0	0	0	0	0	0	256
Thời gian giải quyết các yêu cầu cung cấp thông tin	a	a	a	a	a	a	a	a	a
Số lượng đơn khiếu nại và tố cáo trong việc TCTT	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc TCTT	0	0	0	0	0	0	0	0	0

**Biểu I. Các Sở, ban, ngành (tiếp theo)***(Kèm theo Báo cáo số 1.96../BC-STP của Sở Tư pháp ngày 15 tháng 7 năm 2020)*

<b>Chỉ tiêu/Đơn vị báo cáo</b>	<b>Đáp án</b>	<b>Số Xây dựng</b>	<b>Ban dân tộc</b>	<b>Số Nội vụ</b>
<b>1. Kết quả tập huấn, tuyên truyền về Luật TCTT</b>				
Số lượng buổi tập huấn về Luật TCTT đã được tổ chức	Khoá	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Số lượng người/báo cáo viên được tập huấn Luật TCTT	Lượt người	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Số buổi/lần tuyên truyền về Luật TCTT được tổ chức	Buổi	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>0</b>
<b>2. Kết quả thực hiện Luật TCTT</b>				
Ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của mình	a. Có, có không khai b. Có nhưng không công khai c. Không có	<b>a</b>	<b>a</b>	<b>c</b>
Phân công và công khai đầu mối cung cấp thông tin gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin	a. Có, có không khai b. Có nhưng không công khai c. Không có	<b>a</b>	<b>a</b>	<b>c</b>
Lập chuyên mục TIẾP CẬN THÔNG TIN trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan	a. Có b. Không có	<b>b</b>	<b>b</b>	<b>b</b>
Lập và công khai cập nhật danh mục thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện	a. Có, có không khai b. Có, nhưng không công khai c. Không có	<b>a</b>	<b>a</b>	<b>c</b>
Cập nhật nhật danh mục thông tin phải được công	a. Có cập nhật	<b>a</b>	<b>a</b>	<b>b</b>

khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện	b. Không		
Thực hiện công khai thông tin	a. Công khai đầy đủ theo danh mục công khai thông tin b. Chưa đầy đủ c. Chưa công khai thông tin	<b>a</b>	<b>c</b>
Số lượng các yêu cầu cung cấp thông tin theo yêu cầu	Số lượt	<b>0</b>	<b>0</b>
Thời gian giải quyết các yêu cầu cung cấp thông tin	a. Đúng theo quy định b. Chậm so với quy định		
Số lượng đơn khiếu nại và tố cáo trong việc TCTT	Số đơn	<b>0</b>	<b>0</b>
Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc TCTT	Số lượng đã giải quyết	<b>0</b>	<b>0</b>

**Biểu II: Các huyện, thị xã, thành phố (bao gồm các xã, phường, thị trấn)**  
(Kèm theo Báo cáo số 14.6./BC-STP của Sở Tư pháp ngày 5. tháng 7. năm 2020)

Chỉ tiêu/Đơn vị báo cáo	Đáp án	Vĩnh Linh	Gio Linh	Đông Hà	Cam Lộ	Đakrông	Hương Hóa
<b>1. Kết quả tập huấn, tuyên truyền về Luật TCTT</b>							
Số lượng buổi tập huấn về Luật TCTT đã được tổ chức	Khoá	0	0	0	0	1	30
Số lượng người/báo cáo viên được tập huấn Luật TCTT	Lượt người	1.250	1751	292	10	1205	5807
Số buổi/lần tuyên truyền về Luật TCTT được tổ chức	Buổi	23	25	9	588	29	68
<b>2. Kết quả thực hiện Luật TCTT</b>							
Ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của mình	a. Có, có không khai b. Có nhưng không công khai c. Không có	<b>a</b> 22/22 xã, thị trấn; 12/12 đơn vị cấp huyện	<b>a</b> 21/21 xã, thị trấn; 12/12 đơn vị cấp huyện	<b>a</b> (09/09 phường; 12/12 đơn vị cấp thành phố)	<b>a</b> 12/12 đơn vị cấp huyện); c	<b>a</b> 13/13 xã, thị trấn; 13/13 đơn vị cấp huyện	<b>a</b> 19/21 xã, thị trấn; 13/13 đơn vị cấp huyện; b: 1 xã; c: 1 xã.
Phân công và công khai đầu mối cung cấp thông tin gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ	a. Có, có không khai	<b>a</b>	<b>a</b>				<b>a: 16/21 xã, thị trấn;</b>

thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin	b.Có nhưng không công khai c.Không có				a	c	a	13/13 đơn vị cấp huyện); b: 3 xã.
Lập, chuyên mục TIẾP CẬN THÔNG TIN trên công thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan	a.Có b.Không có	b	b	b	b	b	b	b
Lập và công khai cập nhật danh mục thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện	a.Có, có không khai b.Có, nhưng không công khai c.Không có	a	a	a	a	c	a	a:16/21 xã, thị trấn; 13/13 đơn vị cấp huyện; b: 3 xã
Cập nhật nhật danh mục thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện	a.Có cập nhật b.Không	a	a	a	a	b	a	a:19/21 xã, thị trấn; 13/13 đơn vị cấp huyện; b: 2 xã
Thực hiện công khai thông tin	a.Công khai đầy đủ theo danh mục công khai thông tin	b	a	a	a	c	a	a:14/21 xã, thị trấn; 13/13 đơn vị cấp huyện;



	b. Chưa đầy đủ c. Chưa công khai thông tin								<b>b: 7</b> xã
Số lượng các yêu cầu cung cấp thông tin theo yêu cầu	Số lượt	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Thời gian giải quyết các yêu cầu cung cấp thông tin	a. Đúng theo quy định b. Chậm so với quy định	<b>a</b>							
Số lượng đơn khiếu nại và tổ cáo trong việc TCTT	Số đơn	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Kết quả giải quyết khiếu nại, tổ cáo trong việc TCTT	Số lượng đã giải quyết	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



**Biểu II: Các huyện, thị xã, thành phố (tiếp theo)**  
(Kèm theo Báo cáo số.../196/BC-STP của Sở Tư pháp ngày... tháng... năm 2020)

Chỉ tiêu/Đơn vị báo cáo	Đáp án	Triệu Phong	Thị xã Quảng Trị	Hải Lăng	Huyện đảo Cồn Cỏ
<b>1. Kết quả tập huấn, tuyên truyền về Luật TCTT</b>					
Số lượng buổi tập huấn về Luật TCTT đã được tổ chức	Khoá	0	0	17	
Số lượng người/báo cáo viên được tập huấn Luật TCTT	Lượt người	46	150	183	
Số buổi/lần tuyên truyền về Luật TCTT được tổ chức	Buổi	1	5	33	
<b>2. Kết quả thực hiện Luật TCTT</b>					
Ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của mình	a. Có, có không khai b. Có nhưng không công khai c. Không có	<b>a</b> 09/18 xã, thị trấn; 04/12 đơn vị cấp huyện; 3 đơn vị sự nghiệp. <b>c</b>	<b>a</b> 05/05 phường, xã; 12/12 đơn vị cấp thị xã	<b>a</b> 16/16 xã, thị trấn; 12/12 đơn vị cấp huyện	<b>a</b>

Phân công và công khai đầu mỗi cung cấp thông tin gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mỗi tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin	a. Có, có không khai b. Có nhưng không công khai c. Không có	a: 09/18 xã, thị trấn c: 09/18 xã, thị trấn, 08/12 đơn vị cấp huyện.	a	a	a
Lập chuyên mục TIẾP CẬN THÔNG TIN trên công thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan	a. Có b. Không có	b	b	b	b
Lập và công khai cập nhật danh mục thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện	a. Có, có không khai b. Có, nhưng không công khai c. Không có	c	a	a	a
Cập nhật nhật danh mục thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện	a. Có cập nhật b. Không	b	a	a	a
Thực hiện công khai thông tin	a. Công khai đầy đủ theo danh mục công khai thông tin b. Chưa đầy đủ c. Chưa công khai thông tin	b	a	a	a
Số lượng các yêu cầu cung cấp thông tin theo yêu cầu	Số lượt	0	0	0	0

Thời gian giải quyết các yêu cầu cung cấp thông tin	a. Đúng theo quy định b. Chậm so với quy định				
Số lượng đơn khiếu nại và tố cáo trong việc TCTT	Số đơn	0	0	0	0
Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc TCTT	Số lượng đã giải quyết	0	0	0	0

